

Số: 576/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023)

#### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

- Thời tiết từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023: Nhiệt độ trung bình cao hơn từ 0,5°C - 1,0°C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình từ 29°C - 30°C. Tổng lượng mưa cao hơn từ 20 - 50% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 70 - 120mm.

- Dự báo tình hình thời tiết từ ngày 01 - 30 tháng 6 năm 2023: Xu thế nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn từ 0,5°C - 1,0°C so với trung bình nhiều năm. Nhiệt độ trung bình từ 27,5°C - 28,5°C. Xu thế lượng mưa: Tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 5 - 20% so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Giá trị tổng lượng mưa 90 - 150 mm.

##### a) Cây lúa

Vụ Hè thu 2023	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
	Mạ	1.051	
	Đẻ nhánh	1.918	
	Làm đòng	1.035	
	Trổ	210	
	Chín	-	
	Thu hoạch	-	
	<b>Tổng</b>	<b>4.214</b>	

##### b) Cây trồng khác

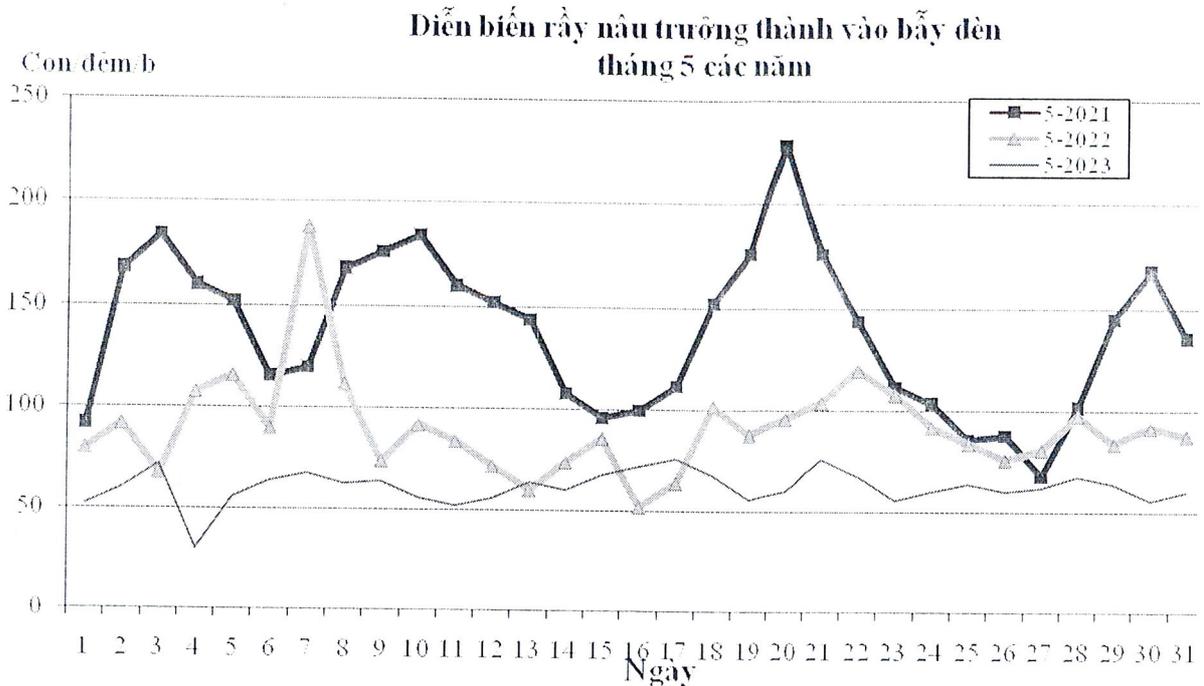
Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
<b>1. Cây rau Hè Thu 2023</b>		<b>3.620,3</b>	<b>2. Hoa, cây kiểng</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.720</b>
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.068,8	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	325,7	<b>3. Cây lương thực</b>		<b>53,7</b>
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	265,5	Bắp	Sinh trưởng	0,2
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	133,4	Khoai mì	Sinh trưởng	53,5
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	117,0	<b>4. Cây công nghiệp</b>	Nhiều giai đoạn	<b>1.260,3</b>
- RMN	Nhiều giai đoạn	893,2			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước

## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU VÀ THIÊN ĐỊCH

### 1. Số liệu theo dõi côn trùng (rầy nâu) vào bẫy đèn tháng 5/2023

Loại bẫy: bẫy đèn quạt hút trên cây lúa



## III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

### 1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại (SVGH) chủ yếu

#### 1.1 Cây lúa vụ Hè thu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	HM,CC
2	Bọ trĩ	3-5			1-5	HM,CC,BT
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC,HM,BT
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC,HM,BC,BT
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC,BT
6	Đạo ôn	3-10%			1-3	HM,CC
7	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC

Ghi chú: OBV: Ốc bươu vàng; CC: Củ Chi, BT: Bình Tân

#### 1.2 Cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ,HM,Q12,BC, BT

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m <sup>2</sup> ), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cực bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM,CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC,CC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC,BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC,BT,CC
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM,BC,CC
10	Rầy xám	100 ->500			1-5	TĐ,HM,Q12
11	Bọ phấn	2-10			1-5	CC
12	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
13	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
14	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC,CC
15	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ,HM,Q12
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12,BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM,Q12,BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT
19	Đóm lá	2-5			1-3	HM,Q12,BC
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ,HM

## 2. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

### 2.1 Cây lúa vụ Hè thu

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa trong tháng là 978,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (771,3 ha). Phần lớn diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh. Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, ốc bươu vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đóm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 33,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (15,8 ha)
- Bọ trĩ: Diện tích nhiễm 111,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (102,9 ha)
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 114,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (80 ha)
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 507 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (431 ha)
- Chuột: Diện tích nhiễm 109 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (84 ha)
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 56.6 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (35,6 ha)
- Bệnh đóm vằn: Diện tích nhiễm 46 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (21 ha)

### 2.2 Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tháng là 626,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (569,9 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 1.670,5 lượt ha. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn, đóm lá, vàng lá và ốc bươu vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Sâu ăn tạp*: Diện tích nhiễm 115,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (115,0 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Sâu xanh*: Diện tích nhiễm 66,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (47,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh.

- *Dòi đục lá*: Diện tích nhiễm 30,4 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (0,4 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- *Bọ trĩ*: Diện tích nhiễm 25,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (9,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Bình Chánh.

- *Rầy xám*: Diện tích nhiễm 24,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (38,1 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn và Quận 12.

- *Bọ nháy*: Diện tích nhiễm 21,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (25,5 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- *Ốc bươu vàng*: Diện tích nhiễm 208,6 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,5 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Quận 12.

- *Bệnh rỉ trắng*: Diện tích nhiễm 33,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (39 ha). Phân bố chủ yếu ở Quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Hóc Môn.

- *Bệnh đốm lá*: Diện tích nhiễm 8,3 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (9,9 ha). Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- *Bệnh vàng lá*: Diện tích nhiễm 7,8 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (4,3 ha). Phân bố chủ yếu ở thành phố Thủ Đức, huyện Hóc Môn.

### 2.3 Cây hoa kiểng

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trong tháng là 28,04 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (69,07 ha). Diện tích phòng trừ sinh vật hại trên hoa lan, cây kiểng là 27,1 ha chiếm 96,5% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại phổ biến trên hoa lan là muỗi đục nụ, nhện đỏ, bọ trĩ, bệnh đốm lá...; trên cây hoa mai là nhện đỏ, bọ trĩ, sâu ăn lá, sâu đục thân, bệnh cháy lá, ... Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- *Cây hoa lan*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 12,85 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (12,41 ha).

- *Cây hoa mai*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 14,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (55,87 ha).

- *Cây hoa khác*: Diện tích nhiễm sinh vật hại là 0,7 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (0,8 ha).

### 2.4 Cây trồng khác

*Cây khoai mì*: Chưa ghi nhận diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá.

*Cây dứa*: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

*Cây bắp*: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

## IV. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

### 4.1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

#### a) Cây lúa

- Cần phải thường xuyên theo dõi mật số rầy trên đồng ruộng và mật số rầy vào đèn để chủ động trong công tác phòng trừ rầy nâu trên lúa. Khuyến cáo nông dân thăm đồng, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép), có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Không nên phun phòng rầy, đặc biệt đối với các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có trên đồng và tránh dịch hại bùng phát vào giai đoạn sau. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2023 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, thời gian xuống giống theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn.

- Ốc bươu vàng: Cần chú ý ốc bươu vàng gây hại trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước mới xuống giống vụ Hè Thu 2023. Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp phòng trừ để giảm mật số, ưu tiên sử dụng các biện pháp canh tác, sử dụng các cành cây, cọc gỗ... cắm ở ruộng nước, bờ ruộng để thu hút ốc đến đẻ trứng và tiêu diệt.

- Các loại bệnh hại: Thời tiết mưa nhiều, ẩm độ không khí cao tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh đạo ôn, đốm vằn phát sinh, phát triển đặc biệt trên những ruộng gieo sạ giống nhiễm, sạ dày, bón thừa phân đạm. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, nắm chặt diễn biến bệnh hại để kịp thời đưa ra các biện pháp quản lý đạt hiệu quả cao, bảo vệ năng suất, chất lượng lúa.

- Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến một số loại sâu hại như bọ trĩ ở giai đoạn mạ, sâu phao và sâu cuốn lá nhỏ ở giai đoạn đẻ nhánh.

#### b) Cây rau

- *Rau ăn lá*: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ, dòi đục lá. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

#### c) Cây hoa kiểng

- *Cây hoa lan*: cần lưu ý một số bệnh hại thường phát sinh gây hại như bệnh khô đầu lá, thối nhũn, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ...

- *Cây hoa mai*: cần lưu ý phòng trị sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh cháy lá.

#### d) Các loại cây trồng khác

- *Cây bắp*: Cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trở cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây dứa*: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy dầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

#### 4.2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi tình hình xuống giống lúa vụ Hè Thu 2023.
- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.
- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.
- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCVN);
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Tp. Thủ Đức, Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TT BVTV các tỉnh phía Nam;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT, Trạm TT BVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**CHI CỤC**  
**TRỒNG TRỌT**  
**VÀ BẢO VỆ**  
**THỰC VẬT**

**Trương Công Lực**

Phụ lục I  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2023**  
(Kèm theo Báo cáo số: **576** /BC-CCTTBVTY, ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Chi cục TTBBVTY)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sình DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Năng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	33,7			33,7	-	15,8		HM,CC
2	Bọ trĩ	111,3			111,3	103	102,9		HM,CC,BT
3	Sâu phao	114,7			114,7	31	80,0		CC,HM,BT
4	OBV	507,0			507,0	90	431,0		CC,HM,BC,BT
5	Chuột	109,0			109,0	86	84,0		CC,BT
6	Đào ôn	56,6			56,6	-	35,6		HM,CC
7	Đốm vằn	46,0			46,0	-	21,0		CC
	<b>Tổng</b>	<b>978,3</b>			<b>978,3</b>	<b>310</b>	<b>771,3</b>		

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Phụ lục II

TỔNG HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **576** /BC-CCTTBVT, ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Chi cục TTBT)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Ký trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhậy	21,7			21,7	18,8	25,5	67,3	HM,Q12,CC,BC,BT
2	Sâu xanh	66,5			66,5	30,7	47,9	178,5	HM,Q12,CC,BC,BT
3	Sâu tơ	12,8			12,8	12,0	19,0	38,0	TD,HM,Q12,BC, BT
4	Dòi đục lá	30,4			30,4	0,2	0,4	54,5	HM,CC
5	Sâu đục trái	5,3			5,3	1,8	1,6	8,9	BC,CC
6	Sâu ăn tập	115,5			115,5	66,2	115,0	311,9	TD,HM,Q12,CC,BC,BT
7	Bọ trĩ	25,8			25,8	5,8	9,9	53,0	CC,BC
8	Rầy mềm	11,2			11,2	1,3	1,9	23,9	BC,BT,CC
9	Rầy xanh	17,9			17,9	5,6	6,5	38,4	HM,BC,CC
10	Rầy xám	24,5			24,5	22,9	38,1	57,6	TD,HM,Q12
11	Bọ phấn	11,0			11,0	5,0	0,1	28,0	CC
12	Sâu đục đọt	1,0			1,0	1,1	1,6	4,3	BC
13	Bọ xí đen	4,0			4,0	4,0	1,0	-	TD
14	Ruồi đục trái	11,5			11,5	4,6	3,4	26,6	BC,CC
15	OBV	208,6			208,6	208,6	218,5	614,5	TD,HM,Q12
16	Ốc sên	0,6			0,6	0,6	0,6	2,5	Q12,BC
17	Thủn/r.cài	5,7			5,7	4,5	24,3	16,2	HM,Q12,BC
18	Ri trắng/RM	33,8			33,8	21,7	39,0	94,1	TD,HM,Q12,CC,BC,BT
19	Đóm lá	8,3			8,3	7,7	9,9	24,4	HM,Q12,BC
20	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	2,5			2,5	1,3	1,4	5,3	HM
21	Vàng lá	7,8			7,8	7,1	4,3	22,7	TD,HM
	<b>Tổng</b>	<b>626,4</b>			<b>626,4</b>	<b>431,5</b>	<b>569,9</b>	<b>1.670,5</b>	

CHI CỤC TRỒNG TRÓT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục III  
**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRÊN HOA LAN CÂY KIẾNG**  
 (Kèm theo Báo cáo số: **576** /BC-CCTTBT/TV, ngày **07** tháng **6** năm 2023 của Chi cục TTBT/TV)

STT	Tên SV/GH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhệ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Hoà lan</b>	<b>12,85</b>			<b>12,85</b>	<b>12,66</b>	<b>12,41</b>	<b>12,09</b>	
1	Muối hai bông	5,18			5,18	5,32	6,97	5,01	TĐ,HM,Q12,CC,BC,BT,CG,Q7
2	Nhện đỏ	0,3			0,3	0,3	0,2	0,3	BC
3	Rệp vảy	0,12			0,12	0,12	0,12	0,07	CC, BC
4	Bọ trĩ	0,58			0,58	0,57	0,6	0,48	CC, BC
5	Ôc sên	0,2			0,2	0,2	0,2	0,2	TĐ, CG
6	Đóm lá	2,67			2,67	2,46	2,08	2,46	TĐ, HM, Q12, CC, CG, Q7
7	Khô đầu lá	1,65			1,65	1,45	0,15	1,65	CG, Q7
8	Thối nhũn	0,83			0,83	0,92	0,88	0,7	CC, BC, CG, Q7
9	Đóm đen	0,42			0,42	0,42	0,41	0,32	CC
10	Vàng lá	0,7			0,7	0,7	0,6	0,7	BC
11	Bọ cánh cứng	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	BC
12	Rêu xanh	0,1			0,1	0,1	0,1	0,1	TĐ
<b>II</b>	<b>Hoa mai</b>	<b>14,5</b>			<b>14,5</b>	<b>12,82</b>	<b>55,87</b>	<b>14,31</b>	
1	Nhện đỏ	1,93			1,93	2,02	6,79	1,88	TĐ, HM, Q12, CC, CG
2	Sâu ăn lá	4,47			4,47	3,5	21,42	4,47	TĐ, HM, Q12, CC, BC, CG
3	Bọ trĩ	3,2			3,2	2,87	11	3,18	TĐ, HM, Q12, CC, CG, BC
4	Sâu đục thân	0,02			0,02	0,05		0,02	HM
5	Rầy xanh	1			1	0,8		1	BC
6	Cháy lá	1,33			1,33	1,13	4,21	1,21	TĐ, CC
7	Mốc cam	0,35			0,35	0,35	0,35	0,35	CG
8	Nấm hồng	1,2			1,2	1,1	0,21	1,2	BC, BT
9	Rong rêu	1			1	1	12	1	TĐ
<b>III</b>	<b>Cây hoa khác</b>	<b>0,69</b>			<b>0,69</b>	<b>0,69</b>	<b>0,79</b>	<b>0,67</b>	<b>TĐ, CC, BC, CG</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28,04</b>			<b>28,04</b>	<b>26,17</b>	<b>69,07</b>	<b>27,07</b>	

**CHI CỤC TRÔNG TRỘT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

